TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **327**/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 13 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 146/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh T** - sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 1156, tổ 3, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Tấn H** - sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 1156, tổ 3, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Tấn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung:*** Chị Trần Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Trần Uyên N – sinh ngày: 16/10/2015. Anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Kể từ ngày 13/9/2018 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được quyền cản trở…

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Về tài sản:*** Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Tấn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Thanh T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị Thanh T tự nguyện nộp thay anh Nguyễn Tấn H 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 008665 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Trần Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND H.T;
- Chi cục THA H. T;
- Các Đ/sự;
- UBND xã B;
- Lưu: Hs, av;

THẨM PHÁN

Nguyễn Phước Vinh